

Số 3715/QĐ/HVBCTT-ĐT

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
về việc dừng học đối với sinh viên nợ học phí

- Căn cứ Quyết định số 56-QĐ/HVCTQG ngày 10/01/2026 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/04/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

- Căn cứ Quyết định số 2066/QĐ-HVBCTT ngày 24/4/2023 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành Quy định về thi đua, khen thưởng và kỷ luật đối với sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Xét đề nghị của Trưởng ban Quản lý đào tạo, bồi dưỡng và Trưởng ban Kế hoạch - Tài chính,

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Buộc dừng học đối với những sinh viên còn nợ học phí học kỳ 1 năm học 2026 - 2027 (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Thời gian dừng học từ ngày 08/10/2026 đến khi sinh viên hoàn thành nghĩa vụ tài chính (sinh viên phải làm đơn xin tiếp tục học có xác nhận của Ban Kế hoạch - Tài chính). Trong thời gian 01 năm từ 08/10/2026 đến 08/10/2027 những sinh viên có tên trong danh sách nếu không đóng đủ học phí theo quy định, Học viện sẽ ra Quyết định buộc thôi học.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng ban Quản lý đào tạo, bồi dưỡng, Trưởng ban Kế hoạch - Tài chính; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

K/T GIÁM ĐỐC^{le}
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Trường Giang

*

**DANH SÁCH SINH VIÊN BUỘC DỪNG HỌC DO NỢ HỌC PHÍ
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026 - 2027**

(Kèm theo QĐ số 3115/QĐ/HVBCTT ngày 08/10/2026 của Giám đốc Học viện BC&TT)

STT	Mã SV	Họ tên	Tên lớp	Khoa/Viện	Số tiền học phí còn nợ
1	2556030031	ĐÀO NGUYỄN HẢI NGỌC	ANH_K45	BC-TT	11.218.200
2	2256020045	NGUYỄN THỊ THU TRANG	BAOIN_K42	BC-TT	6.410.400
3	2150080048	TRẦN HOÀNG THÁI	CNXHKH_K41	CNXHKH	1.520.700
4	2150080062	NGUYỄN HỒNG VINH	CNXHKH_K41	CNXHKH	3.548.300
5	2250080023	NGUYỄN THỊ NGỌC KHÁNH	CNXHKH_K42	CNXHKH	2.136.800
6	2255360006	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	CSC_K42	CTH	3.205.200
7	2055310081	ĐOÀN THẾ TRUNG	CTPT_K40A2	CTH	7.661.543
8	2255310034	NGUYỄN THỊ HỒNG LY	CTPT_K42	CTH	8.974.000
9	2455300033	NGUYỄN THÀNH LỘC	CTTT_K44A1	TT	9.631.100
10	2251010044	VŨ PHƯƠNG THẢO	CTXH_K42	XHH&PT	1.068.400
11	2551010002	ĐÔNG PHẠM TRÂM ANH	CTXH_K45	XHH&PT	10.684.000
12	2055280026	HÀ THÀNH LONG	KT&QL(CLC)_K40	KTCT	48.870.643
13	2055280028	TRẦN THANH MAI	KT&QL(CLC)_K40	KTCT	3.797.400
14	2255280013	ĐỖ THỊ LƯƠNG GIANG	KT&QL(CLC)_K42	KTCT	1.282.000
15	2155290001	ĐÀM THANH AN	KT&QL_K41	KTCT	28.204.000
16	2155290043	NGÔ ÁNH NGUYỆT	KT&QL_K41	KTCT	6.410.000
17	2155290061	BÙI XUÂN THÀNH	KT&QL_K41	KTCT	12.820.200
18	2255290018	NGÔ THỊ THU HƯƠNG	KT&QL_K42	KTCT	1.282.000
19	2255290032	ĐINH THỊ HƯƠNG NHI	KT&QL_K42	KTCT	3.205.200
20	2255290041	ĐỖ THỊ MAI THU	KT&QL_K42	KTCT	6.410.000
21	2051020033	PHÙNG HOÀNG PHƯƠNG	KTCT_K40	KTCT	2.564.000
22	2556070004	NGUYỄN HẢI ANH	MĐT_K45A1	BC-TT	2.136.800
23	2556070027	HÀ PHẠM HIẾU LONG	MĐT_K45A1	BC-TT	10.149.800
24	2656070051	NGUYỄN LÊ KIM THẢO	MĐT_K46A1	BC-TT	14.639.000

STT	Mã SV	Họ tên	Tên lớp	Khoa/Viện	Số tiền học phí còn nợ
25	2256150010	LÊ MAI CHI	QHCC_K42	QHCC&QC	1.175.200
26	2256150042	NGUYỄN CHÂU BẢO NGỌC	QHCC_K42	QHCC&QC	641.000
27	2055300001	BÙI THỊ TRÂM ANH	QLHĐTTVH_K40	TT	641.000
28	2255300015	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP	QLHĐTTVH_K42	TT	534.200
29	2255270008	ĐỖ QUỲNH CHI	QLKT_K42	KTCT	9.615.000
30	2552050030	TRẦN THỊ XUÂN MAI	QLNN_K45A1	NN&PL	9.081.400
31	2652050051	NGUYỄN XUÂN THÀNH	QLNN_K46A1	NN&PL	20.088.000
32	2156060034	NGUYỄN TUẤN MINH	QUAYPHIM_K41	BC-TT	1.068.400
33	2256060029	LÊ THỊ THẢO NGUYỄN	QUAYPHIM_K42	BC-TT	5.876.200
34	2150010003	MAI LÊ NGỌC ANH	TRIET_K41	Triết học	2.802.700
35	2356080032	LÊ THỊ UYÊN NHI	TRUYENHINH(CLC)_K43	BC-TT	21.678.400
36	2556050084	NGUYỄN TUỆ MINH	TRUYENHINH_K45A2	BC-TT	8.013.000
37	2255380001	CAO NGỌC ÂN	TTCS_K42	TT	12.820.000
38	2651050076	PHẠM THỊ THÙY DƯƠNG	TTĐC_K46A2	BC-TT	18.271.400
39	2555330044	LÊ ANH TUẤN	TTHCM_K45	TTHCM	2.564.000
40	2256160048	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	TTMKT (CLC)_K42A2	QHCC&QC	98.578.929
41	2256160049	NGUYỄN THU ANH	TTMKT (CLC)_K42A2	QHCC&QC	3.941.400
42	2256160053	NGUYỄN PHÚC CƯỜNG	TTMKT (CLC)_K42A2	QHCC&QC	3.041.400
43	2552020031	HOÀNG HẢI LONG	XĐĐ_K45A1	XĐĐ	10.149.800
44	2253010041	TRẦN PHƯƠNG NHUNG	XHH_K42	XHH&PT	12.072.800